BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGUYỄN TẤT THÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN HỆ CHÍNH QUY ĐƯỢC CẤP HỌC BỔNG NĂM HỌC 2014-2015
Đại học khóa 2012,2013,2014 & Cao đẳng khóa 2012, 2013,2014 &Trung cấp khóa 2013,2014

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Điểm TB hệ 4	Điểm TBHT	Xếp loại HT	Điểm RL	Xếp loại RL	XLHB	Ghi chú
Đại học Khóa 2012													
1	1211508511	Nguyễn Kim Thiên	Ân	Nữ	26/01/1994	12DDD01	3	7.36	Khá	94	Xuất sắc	Khá	
2	1211511832	Đào Thị	Thủy	Nữ	26/05/1994	12DDD01	3	7.28	Khá	88	Tốt	Khá	
3	1211510732	Phan Thị Thanh	Thủy	Nữ	26/04/1994	12DDH01	3.31	8.15	Giỏi	78	Khá	Khá	
4	1211510392	Đoàn Ngọc	Bích	Nữ	17/05/1994	12DKT01	3.37	8.2	Giỏi	87	Tốt	Giỏi	
5	1211512994	Hà Thị Cúc	Hoa	Nữ	13/08/1994	12DKT02	3.23	7.91	Giỏi	97	Xuất sắc	Giỏi	
6	1211513071	Vũ Thị Kim	Thoa	Nữ	34554	12DKT02	3.25	7.98	Giỏi	90	Xuất sắc	Giỏi	
7	1211511715	Lê Tường	Duy	Nam	27/11/1994	12DQT01	3.51	8.54	Giỏi	92	Xuất sắc	Giỏi	
8	1211511046	Phạm Thị Bích	Lệ	Nữ	27/08/1994	12DQT01	3.5	8.32	Giỏi	93	Xuất sắc	Giỏi	
9	1211005798	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	Nữ	26/05/1994	12DQT01	3.56	8.52	Giỏi	85	Tốt	Giỏi	
10	1211510617	Nguyễn Minh	Trí	Nam	30/11/1993	12DQT01	3.49	8.44	Giỏi	88	Tốt	Giỏi	
15	1211509249	Nguyễn Hương	Hoa	Nữ	34435	12DTA01	3.23	8.08	Giỏi	88	Tốt	Giỏi	
16	1211511094	Tạ Phương	Ngân	Nữ	06/11/94	12DTA01	3.26	8.13	Giỏi	83	Tốt	Giỏi	
17	1211510001	Trương Phụng	Quân	Nữ	27/02/1994	12DTC02	3.37	8.16	Giỏi	88	Tốt	Giỏi	
18	1211508905	Phạm Quốc	Vương	Nam	34396	12DTC02	3.24	8.05	Giỏi	90	Xuất sắc	Giỏi	
19	1211511515	K'	Hà	Nữ	12/08/94	12DTC03	3.58	8.51	Giỏi	90	Xuất sắc	Giỏi	
20	1211513431	Trần Đình	Vũ	Nam	21/01/1986	12DTC03	3.32	7.97	Giỏi	90	Xuất sắc	Giỏi	
21	1211512014	Hồ Thanh	Sang	Nam	27/02/1994	12DTH01	3.2	7.78	Giỏi	87	Tốt	Giỏi	
Đại học Khóa 2013													
1	1311517651	Vũ Bá	Nam	Nam	22/01/1995	13DCD01	3.33	8.14	Giỏi	81	Tốt	Giỏi	
2	1311521591	Trình Minh	Phú	Nam	20/10/1995	13DCD01	3.38	8.27	Giỏi	92	Xuất sắc	Giỏi	
3	1311518523	Châu Mỹ	Vy	Nữ	17/08/1994	13DDD02	2.83	7.5	Khá	88	Tốt	Khá	
4	1311521082	Hồ Dương	Khang	Nam	11/05/95	13DDD04	3.06	7.82	Khá	88	Tốt	Khá	
5	1311520221	Nguyễn Tấn	Phát	Nam	10/06/94	13DDD04	3	7.43	Khá	95	Xuất sắc	Khá	
6	1311521161	Trần Tẩu		Nam	19/02/1995	13DDH01	3.18	8.11	Khá	71	Khá	Khá	
7	1311518906	Lâm Tú	Phượng	Nữ	34741	13DDS01	2.83	7.33	Khá	85	Tốt	Khá	
8	1311520030	Hồng Gia	Ân	Nữ	29/01/1995	13DDS03	2.83	7.38	Khá	88	Tốt	Khá	
9	1311519895	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	Nữ	34974	13DDS03	2.8	7.23	Khá	88	Tốt	Khá	
10	1311520230	Nguyễn Quỳnh	Ngân	Nữ	03/04/94	13DDS04	3.24	8.05	Giỏi	88	Tốt	Giỏi	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Điểm TB hệ 4	Điểm TBHT	Xếp loại HT	Điểm RL	Xếp loại RL	XLHB	Ghi chú
11	1311521133	Võ Thế Anh	Tài	Nam	33916	13DDS05	2.71	7.39	Khá	91	Xuất sắc	Khá	
12	1311521565	Lê Thị Thùy	Dung	Nữ	13/10/1995	13DDS06	3	7.58	Khá	88	Tốt	Khá	
13	1311522349	Trần Ngọc	Trân	Nữ	34066	13DDS07	2.86	7.52	Khá	88	Tốt	Khá	
14	1311523252	Hoàng Nguyễn Thanh	Ánh	Nữ	01/06/95	13DDS08	3.11	7.89	Khá	86	Tốt	Khá	
15	1311522584	Nguyễn Hữu	Nghĩa	Nam	34821	13DDS08	2.79	7.33	Khá	86	Tốt	Khá	
16	1311522902	Phạm Hải Uyên	Vi	Nữ	26/12/1993	13DDS08	3.08	7.66	Khá	88	Tốt	Khá	
17	1311523572	Phạm Lê Hoàng	Ân	Nam	22/02/1995	13DDS09	2.89	7.52	Khá	79	Khá	Khá	
18	1311523431	Đỗ Thị Hoàng	Yến	Nữ	34913	13DDS09	2.85	7.49	Khá	85	Tốt	Khá	
19	1311524958	Phạm Nguyễn Minh	Trang	Nữ	26/10/1995	13DDS11	2.79	7.51	Khá	79	Khá	Khá	
20	1311525230	Nguyễn Phạm Phương	Ngọc	Nữ	27/09/1995	13DDS12	2.97	7.62	Khá	80	Tốt	Khá	
21	1311526297	Ngô Phụng Tú	Phương	Nữ	34976	13DDS14	2.87	7.33	Khá	84	Tốt	Khá	
22	1311521817	Lê Đức	Tài	Nam	05/12/95	13DDT02	3.27	8.01	Giỏi	87	Tốt	Giỏi	
23	1311525527	Trần Thiện	Hiền	Nam	05/01/94	13DHH01	3.68	8.71	Xuất sắc	96	Xuất sắc	Xuất sắc	
24	1311524954	Nguyễn Thế	Mạnh	Nam	17/07/1994	13DHH01	3.47	8.44	Giỏi	92	Xuất sắc	Giỏi	
25	1311526152	Võ Thị	Thuý	Nữ	10/06/95	13DHH01	3.69	8.75	Xuất sắc	92	Xuất sắc	Xuất sắc	
26	1311519562	Lại Phương	Thảo	Nữ	34882	13DKT02	3.29	7.9	Giỏi	84	Tốt	Giỏi	
27	1311523545	Đỗ Ngọc Thanh	Thủy	Nữ	25/11/1991	13DKT03	3.26	7.97	Giỏi	87	Tốt	Giỏi	
28	1311525330	Trần Nguyễn Bảo	Chân	Nữ	21/09/1994	13DKT04	3.23	8.09	Giỏi	92	Xuất sắc	Giỏi	
29	1311523693	Ngô Thị Kim	Nhân	Nữ	15/10/1995	13DKT04	3.22	7.87	Giỏi	90	Xuất sắc	Giỏi	
30	1311524018	Đặng Ngọc	An	Nữ	20/02/1995	13DQT01A	3.48	8.45	Giỏi	87	Tốt	Giỏi	
31	1311524452	Đặng Thị Kim	Khánh	Nữ	08/03/95	13DQT01A	3.35	8.14	Giỏi	90	Xuất sắc	Giỏi	
32	1311517229	Lương Thị Kiều	My	Nữ	12/08/90	13DQT01A	3.29	8.01	Giỏi	87	Tốt	Giỏi	
33	1311523620	Nguyễn Thị Huỳnh	Mai	Nữ	19/05/1995	13DQT05	3.43	8.34	Giỏi	88	Tốt	Giỏi	
34	1311524480	Nguyễn Quốc	Toàn	Nam	35014	13DQT05	3.38	8.19	Giỏi	85	Tốt	Giỏi	
35	1311518193	Mai Thị	Hiền	Nữ	34825	13DQT06	3.38	8.18	Giỏi	93	Xuất sắc	Giỏi	
36	1311524132	Phạm Hữu	Thành	Nam	10/06/95	13DQT08	3.29	8.18	Giỏi	87	Tốt	Giỏi	
37	1311518109	Trần Quốc	Trân	Nam	30/02/1995	13DQT08	3.37	8.19	Giỏi	93	Xuất sắc	Giỏi	
38	1311519465	Nguyễn Phi Hoàng	Long	Nam	23/08/1995	13DQT09	3.43	8.29	Giỏi	80	Tốt	Giỏi	
39	1311517129	Phạm Danh	Phan	Nam	29/12/1994	13DQT09	3.69	8.59	Xuất sắc	96	Xuất sắc	Xuất sắc	
40	1311517584	Nguyễn Lê Cẩm	Tiên	Nữ	14/08/1995	13DTA04	3.26	8.18	Giỏi	84	Tốt	Giỏi	
41	1311520510	Phan Nguyễn Diễm	Phượng	Nữ	20/11/1995	13DTA05	3.33	8.11	Giỏi	87	Tốt	Giỏi	
42	1311522904	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	Nữ	20/10/1995	13DTA06	3.29	8.15	Giỏi	86	Tốt	Giỏi	
43	1311520609	Huỳnh Thu	Thảo	Nữ	01/09/95	13DTC02	3.08	8.01	Khá	86	Tốt	Khá	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Điểm TB hệ 4	Điểm TBHT	Xếp loại HT	Điểm RL	Xếp loại RL	XLHB	Ghi chú
44	1311521764	Lưu Ngọc Thuỳ	Trang	Nữ	01/12/95	13DTC02	3.09	7.9	Khá	88	Tốt	Khá	
45	1311521447	Võ Hoàng	Tuấn	Nam	01/02/95	13DTC02	3	7.7	Khá	88	Tốt	Khá	
46	1311523913	Phạm Thị Ngọc	Nhung	Nữ	03/08/95	13DTC03	3.17	8.07	Khá	87	Tốt	Khá	
47	1311524559	Lê Thị Diễm	My	Nữ	09/12/95	13DTH03	3.07	7.65	Khá	81	Tốt	Khá	
48	1311521317	Lê Minh	Nhơn	Nam	17/12/1994	13DTH03	3.05	7.75	Khá	87	Tốt	Khá	
49	1311521424	Phạm Thị Mai	Trâm	Nữ	34975	13DTNMT03	3.11	7.89	Khá	87	Tốt	Khá	
50	1311524874	Nguyễn Thị Ngọc	Hiếu	Nữ	01/05/95	13DTNMT04	3.21	7.82	Giỏi	88	Tốt	Giỏi	
51	1311523310	Phạm Thị Thu	Thảo	Nữ	15/09/1995	13DTNMT04	3.11	7.86	Khá	85	Tốt	Khá	
52	1311524216	Trần Trương Thị Thanh	Trúc	Nữ	34980	13DTNMT04	3.12	7.72	Khá	90	Xuất sắc	Khá	
53	1311524182	Võ Kim	Trúc	Nữ	13/12/1995	13DTNMT04	3.11	7.8	Khá	90	Xuất sắc	Khá	
54	1311518563	Nguyễn Thị Phương	Nguyên	Nữ	12/02/95	13DTP01	2.9	7.48	Khá	90	Xuất sắc	Khá	
55	1311522382	Võ Trần	Đạt	Nam	04/05/95	13DTT01	3.24	7.96	Giỏi	97	Xuất sắc	Giỏi	
56	1311524458	Nguyễn Thị Thuý	Hồng	Nữ	34066	13DTT01	3.6	8.44	Xuất sắc	83	Tốt	Giỏi	
57	1311523494	Phạm Mỹ	Linh	Nữ	34762	13DTT01	3.55	8.47	Giỏi	88	Tốt	Giỏi	
58	1311518730	Trương Thị Thắm	Tình	Nữ	27/03/1995	13DXD01	2.85	7.5	Khá	90	Xuất sắc	Khá	

Đại học Khóa 2014

1	1411535698	Nguyễn Phúc Thiên	Ân	Nữ	07/05/93	14DDD04	3.61	8.64	Xuất sắc	88	Tốt	Giỏi	
2	1411529936	Phạm Nhật	Thành	Nam	05/06/96	14DDH01	2.86	7.35	Khá	88	Tốt	Khá	
3	1411527160	Nguyễn	Pha	Nam	24/01/1993	14DDS01	3.34	8.09	Giỏi	86	Tốt	Giỏi	
4	1411527042	Trần Hà Liên	Quỳnh	Nữ	22/07/1996	14DDS01	3.55	8.35	Giỏi	88	Tốt	Giỏi	
5	1411527391	Lương Thị Thu	Hương	Nữ	29/11/1996	14DDS02	3.68	8.76	Xuất sắc	85	Tốt	Giỏi	
6	1411528767	Nguyễn Ngọc	Hưng	Nữ	35106	14DDS06	3.47	8.49	Giỏi	88	Tốt	Giỏi	
7	1411528549	Nguyễn Hoàng Vân	Nga	Nữ	24/12/1996	14DDS06	3.32	8.18	Giỏi	88	Tốt	Giỏi	
8	1411528745	Nguyễn Thái	Ngọc	Nữ	30/04/1996	14DDS06	3.26	7.91	Giỏi	88	Tốt	Giỏi	
9	1411528680	Bùi Kim	Phụng	Nữ	29/03/1995	14DDS06	3.26	8.06	Giỏi	88	Tốt	Giỏi	
10	1411528718	Nguyễn Thị Kim	Tha	Nữ	22/06/1996	14DDS06	3.71	8.55	Xuất sắc	88	Tốt	Giỏi	
12	1411531608	Trần Thị Hiền	Lương	Nữ	13/08/1996	14DDS13	3.26	7.79	Giỏi	94	Xuất sắc	Giỏi	
13	1411531607	Lê Thị Thủy	Tiên	Nữ	26/11/1996	14DDS13	3.71	8.71	Xuất sắc	88	Tốt	Giỏi	
14	1411532044	Vũ Thị Thu	Hồng	Nữ	21/08/1996	14DDS14	3.61	8.52	Xuất sắc	88	Tốt	Giỏi	
15	1411532018	Lợi Bội	Phân	Nữ	35257	14DDS14	3.24	8.22	Giỏi	88	Tốt	Giỏi	
16	1411532765	Nguyễn Hồng Hiền	Trang	Nữ	35256	14DDS15	3.57	8.42	Giỏi	88	Tốt	Giỏi	
19	1411533070	Nguyễn Anh	Thư	Nữ	27/09/1996	14DDS16	3.26	7.92	Giỏi	86	Tốt	Giỏi	
20	1411533141	Nguyễn Thị Huyền	Trân	Nữ	17/11/1995	14DDS16	3.48	8.25	Giỏi	82	Tốt	Giỏi	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Điểm TB hệ 4	Điểm TBHT	Xếp loại HT	Điểm RL	Xếp loại RL	XLHB	Ghi chú
21	1411533348	Vi Ngọc Linh	Đan	Nữ	17/03/1996	14DDS17	3.24	8.1	Giỏi	80	Tốt	Giỏi	
22	1411533974	Nguyễn Minh	Thư	Nữ	20/11/1996	14DDS18	3.24	7.99	Giỏi	88	Tốt	Giỏi	
23	1411534539	Ngô Thị Thanh	Thảo	Nữ	25/01/1996	14DDS19	3.53	8.31	Giỏi	85	Tốt	Giỏi	
24	1411539246	Trần Thị Kim	Tiến	Nữ	26/05/1995	14DDT02	2.58	7.15	Khá	90	Xuất sắc	Khá	
25	1411530988	Phan Thanh Trí	Quang	Nam	20/08/1996	14DHH02	2.74	7.37	Khá	87	Tốt	Khá	
26	1411528600	Vũ Đức	Bảo	Nam	26/08/1996	14DKT01	2.57	7.11	Khá	87	Tốt	Khá	
27	1411532768	Lâm Phúc	Ái	Nữ	20/03/1996	14DKT02	2.85	7.41	Khá	87	Tốt	Khá	
28	1411532043	Đặng Thị Diệu	Thuận	Nữ	21/10/1995	14DKT02	3	7.49	Khá	87	Tốt	Khá	
29	1411534863	Nguyễn Tấn	Tài	Nam	08/04/96	14DOT01	2.7	6.93	Khá	79	Khá	Khá	
30	1411527797	Vương	Đệ	Nam	01/01/96	14DQT01	2.69	7.44	Khá	93	Xuất sắc	Khá	
31	1411530308	Châu Xuân	Thu	Nam	01/05/95	14DSH02	3.59	8.53	Giỏi	93	Xuất sắc	Giỏi	
32	1411530701	Trần Hồng	Ngọc	Nữ	24/01/1996	14DTA01	3.68	8.65	Xuất sắc	84	Tốt	Giỏi	
33	1411532158	Lê Thị Cẩm	Nhung	Nữ	10/03/96	14DTA03	3.38	8.27	Giỏi	88	Tốt	Giỏi	
34	1411528247	Nguyễn Thân Trung	Khang	Nam	10/06/96	14DTA04	3.37	8.38	Giỏi	84	Tốt	Giỏi	
35	1411531905	Phan Phạm Bảo	Long	Nam	03/02/96	14DTA04	3.65	8.74	Xuất sắc	88	Tốt	Giỏi	
36	1411527537	Nguyễn Thụy Mỹ	Quân	Nữ	03/10/96	14DTA04	3.31	8.2	Giỏi	90	Xuất sắc	Giỏi	
37	1411532201	Nguyễn Khánh	Ngân	Nữ	10/03/96	14DTC02	2.5	6.98	Khá	90	Xuất sắc	Khá	
38	1411527034	Tằng Minh	Nguyệt	Nữ	27/11/1996	14DTH01	2.6	7.1	Khá	77	Khá	Khá	
39	1411528146	Nguyễn Thanh	Sang	Nam	27/08/1996	14DTH01	3	7.84	Khá	78	Khá	Khá	
40	1411527166	Lê Nguyễn Thành	Tân	Nam	29/04/1996	14DTH01	3.32	7.99	Giỏi	73	Khá	Khá	
41	1411528322	Ngô Huỳnh Phương	Hoài	Nam	29/01/1996	14DTH02	3.08	7.85	Khá	81	Tốt	Khá	
42	1411531636	Tăng Thiên	Phú	Nam	35106	14DTH02	3.05	7.69	Khá	87	Tốt	Khá	
43	1411534680	Nguyễn Thị Kim	Tuyền	Nữ	17/07/1994	14DTNMT03	3.02	7.39	Khá	86	Tốt	Khá	
44	1411531833	Nguyễn Thị Quỳnh	Hoa	Nữ	22/12/1996	14DTNMT05	2.9	7.58	Khá	90	Xuất sắc	Khá	
45	1411528023	Lưu Thị Thanh	Hiền	Nữ	22/08/1996	14DTP01	3.09	8.07	Khá	90	Xuất sắc	Khá	
46	1411531020	Trần Trung	Thành	Nam	34852	14DTP02	2.59	6.94	Khá	80	Tốt	Khá	
47	1411528786	Nguyễn Thị Ngọc	Tuyền	Nữ	16/10/1996	14DTP02	2.84	7.07	Khá	87	Tốt	Khá	
48	1411534707	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	Nữ	35408	14DTP03	3.07	8.04	Khá	87	Tốt	Khá	
49	1411534646	Võ Tấn	Thành	Nam	34890	14DTP03	3.17	7.9	Khá	87	Tốt	Khá	

Cao đẳng Khóa 2012

1	1211507454	Nguyễn Ngọc	Tiền	Nam	01/10/94	12CCD01	3.79	8.94	Xuất sắc	88	Tốt	Giỏi	
2	1211506470	Đỗ Thị Thiên	Trang	Nữ	20/03/1994	12CCM01	3.19	7.94	Khá	84	Tốt	Khá	
3	1211506539	Trần Thị Phương	Thư	Nữ	17/03/1994	12CDD01	3.51	8.41	Giỏi	88	Tốt	Giỏi	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Điểm TB hệ 4	Điểm TBHT	Xếp loại HT	Điểm RL	Xếp loại RL	XLHB	Ghi chú
4	1211511917	Trần Thị	Anh	Nữ	28/08/1994	12CDD02	3.59	8.67	Giỏi	88	Tốt	Giỏi	
5	1211509203	Phan Thị	Kiều	Nữ	34007	12CDD02	3.56	8.65	Giỏi	88	Tốt	Giỏi	
6	1211508544	Tài Thị Mỹ	Nho	Nữ	22/09/1994	12CDD02	3.54	8.39	Giỏi	85	Tốt	Giỏi	
7	1211512027	Chu Phạm Minh	Trang	Nữ	34370	12CDD02	3.51	8.55	Giỏi	88	Tốt	Giỏi	
8	1211507217	Nguyễn Thị Hương	Tân	Nữ	30/04/1994	12CDS08		8.54	Giỏi	82	Tốt	Giỏi	
9	1211507619	Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	18/05/1994	12CDS11		8.63	Giỏi	85	Tốt	Giỏi	
10	1211508847	Nguyễn Quế	Phương	Nữ	29/09/1994	12CDS16		8.99	Giỏi	85	Tốt	Giỏi	
11	1211508791	Vũ Đặng Kiều	Thanh	Nữ	34578	12CDS16		8.98	Giỏi	85	Tốt	Giỏi	
12	1211508744	Trần Thị Huệ	Trinh	Nữ	23/12/1993	12CDS16		8.53	Giỏi	82	Tốt	Giỏi	
13	1211510038	Võ Thanh	Thi	Nữ	22/12/1994	12CDS20		8.61	Giỏi	82	Tốt	Giỏi	
14	1211510454	Nguyễn Thị Quốc Lê	My	Nữ	20/10/1994	12CDS21		8.76	Giỏi	82	Tốt	Giỏi	
15	1211510302	Võ Thị Ánh	Nguyệt	Nữ	34645	12CDS21		8.71	Giỏi	85	Tốt	Giỏi	
16	1211510586	Mã Ngọc	Nhung	Nữ	15/01/1994	12CDS21		8.67	Giỏi	85	Tốt	Giỏi	
17	1211511258	Quách Trương Minh	Phúc	Nam	19/06/1994	12CDS22		8.65	Giỏi	88	Tốt	Giỏi	
18	1211512026	Đào Thị Quế	Anh	Nữ	21/10/1993	12CDS24		8.59	Giỏi	85	Tốt	Giỏi	
19	1211512301	Lâm Thị Hồng	Đào	Nữ	13/08/1994	12CDS25		8.67	Giỏi	85	Tốt	Giỏi	
20	1211512259	Nguyễn Thị	Đào	Nữ	34460	12CDS25		8.69	Giỏi	85	Tốt	Giỏi	
21	1211512274	Võ Thị Thanh	Diệu	Nữ	34524	12CDS25		9.01	Xuất sắc	88	Tốt	Giỏi	
22	1211512237	Lê Thị Kiều	Ngân	Nữ	18/04/1994	12CDS25		8.71	Giỏi	88	Tốt	Giỏi	
23	1211512299	Nguyễn Thị	Vân	Nữ	34619	12CDS25		8.5	Giỏi	88	Tốt	Giỏi	
24	1211512444	Lâm Tuyên	Diễm	Nữ	30/10/1994	12CDS26		8.63	Giỏi	88	Tốt	Giỏi	
25	1211512719	Nguyễn Thị Thanh	Trang	Nữ	32998	12CDS26		8.71	Giỏi	86	Tốt	Giỏi	
26	1211506284	Dương Hoàng	Hải	Nam	13/11/1993	12CHH01	2.92	8.03	Khá	76	Khá	Khá	
27	1211512335	Nguyễn ý	Duyên	Nữ	15/12/1994	12CHQ01	3.3	7.99	Giỏi	88	Tốt	Giỏi	
28	1211512152	Phan Thị Hồng	Nhung	Nữ	34647	12CHQ01	3.55	8.24	Giỏi	84	Tốt	Giỏi	
29	1211507447	Nguyễn Thị Hoàng	Hà	Nữ	22/06/1994	12CKT01	3.27	8.4	Giỏi	84	Tốt	Giỏi	
30	1211506050	Đỗ Thị	Thảo	Nữ	09/08/94	12CKTQ01	3.36	8.2	Giỏi	81	Tốt	Giỏi	
31	1211509006	Nguyễn Thành	Chinh	Nam	27/03/1993	12CNDT01		9.3	Xuất sắc	90	Xuất sắc	Xuất sắc	
32	1211512958	Lê Thùy	Dương	Nữ	27/07/1994	12CNKT01		9.6	Xuất sắc	84	Tốt	Giỏi	
33	1211505891	Lê Thị Ngọc	Hà	Nữ	34521	12CNKT01		9.2	Xuất sắc	87	Tốt	Giỏi	
34	1211513554	Cao Thị Hồng	Trúc	Nữ	29/06/1993	12CNKT01		9.2	Xuất sắc	83	Tốt	Giỏi	
35	1211510782	Trần Văn	Hậu	Nam	05/12/94	12CNOT01		8.4	Giỏi	90	Xuất sắc	Giỏi	
36	1211508802	Bùi Phương	Nhi	Nữ	23/08/1994	12CNQL01		8.2	Giỏi	88	Tốt	Giỏi	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Điểm TB hệ 4	Điểm TBHT	Xếp loại HT	Điểm RL	Xếp loại RL	XLHB	Ghi chú
37	1211509510	Đặng Hoàng Chí	Hiếu	Nam	25/12/1994	12CNXD01		8.3	Giỏi	87	Tốt	Giỏi	
38	1211510471	Nguyễn Viết	Trọng	Nam	13/08/1994	12CNXD01		9	Xuất sắc	93	Xuất sắc	Xuất sắc	
39	1211513237	Nguyễn Quang	Vũ	Nam	28/07/1994	12CNXD01		8.5	Giỏi	87	Tốt	Giỏi	
40	1211506600	Phạm Trọng	Nghĩa	Nam	05/09/94	12COT01	3.5	8.43	Giỏi	88	Tốt	Giỏi	
41	1211508153	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	Nữ	03/12/93	12CQL01	3.21	7.85	Giỏi	82	Tốt	Giỏi	
42	1211512076	Nguyễn Thị Ngọc	Hạnh	Nữ	29/12/1994	12CQT01	3.43	8.2	Giỏi	88	Tốt	Giỏi	
43	1211511554	Trương Thị Minh	Thùy	Nữ	19/10/1994	12CQT02	3.36	8.2	Giỏi	88	Tốt	Giỏi	
44	1211510212	Phan Thanh	Phương	Nữ	22/01/1994	12CQT04	3.47	8.42	Giỏi	88	Tốt	Giỏi	
45	1211509336	Tạ Bích	Phương	Nữ	30/06/1994	12CQTQ02	3.65	8.32	Xuất sắc	83	Tốt	Giỏi	
46	1211511328	Trần Thị	Diễm	Nữ	11/11/93	12CSH01	3.57	8.31	Giỏi	85	Tốt	Giỏi	
47	1211508732	Nguyễn Quỳnh	Nga	Nữ	22/06/1993	12CSH01	3.57	8.26	Giỏi	87	Tốt	Giỏi	
48	1211505890	Nguyễn Thanh	Hoa	Nữ	31/08/1993	12CTA01	3.42	8.15	Giỏi	88	Tốt	Giỏi	
49	1211508029	Nguyễn Tấn	Đạt	Nam	16/01/1994	12CTA02	3.6	8.74	Xuất sắc	88	Tốt	Giỏi	
50	1211509175	Trang Thành	Hiếu	Nam	13/10/1994	12CTA02	3.45	8.46	Giỏi	86	Tốt	Giỏi	
51	1211507730	Trà Thanh	Tú	Nam	34460	12CTA02	3.5	8.65	Giỏi	83	Tốt	Giỏi	
52	1211507879	Vòng Thục	Linh	Nữ	28/05/1994	12CTA05	3.69	8.51	Xuất sắc	88	Tốt	Giỏi	
53	1211005827	Lâm Thị Thuý	An	Nữ	16/05/1994	12CTC01	3.67	8.59	Xuất sắc	84	Tốt	Giỏi	
54	1211506804	Nguyễn Tuấn	Cường	Nam	33850	12CTC01	3.57	8.37	Giỏi	87	Tốt	Giỏi	
55	1211506987	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	Nữ	25/06/1994	12CTC01	3.83	8.59	Xuất sắc	87	Tốt	Giỏi	
56	1211506849	Ngô Hoàng	Nghĩa	Nam	34516	12CTC01	3.67	8.52	Xuất sắc	87	Tốt	Giỏi	
57	1211506971	Huỳnh Quốc	Thái	Nam	29/10/1994	12CTC01	3.67	8.52	Xuất sắc	87	Tốt	Giỏi	
58	1211512069	Nguyễn Thị	Lan	Nữ	34523	12CTC04	3.67	8.51	Xuất sắc	87	Tốt	Giỏi	
59	1211511866	Trần Hoài	Vy	Nữ	20/02/1994	12CTC04	3.71	8.99	Xuất sắc	87	Tốt	Giỏi	
60	1211506248	Vương Huỳnh Thanh	Tú	Nam	10/11/94	12CTH01	2.93	7.43	Khá	88	Tốt	Khá	
61	1211511382	Nguyễn Đức	Huy	Nam	11/07/94	12CTH02	3.2	7.64	Giỏi	76	Khá	Khá	
62	1211506017	Nguyễn Bão	An	Nam	03/01/94	12CTN01	3.29	8.09	Giỏi	91	Xuất sắc	Giỏi	
63	1211510703	Hồ Hoàng	Hải	Nam	04/03/94	12CNTH01		8.8	Giỏi	87	Tốt	Giỏi	
64	1211513390	Đỗ Thị Thanh	Trang	Nữ	20/10/1989	12CNDN01		8.8	Giỏi	94	Xuất sắc	Giỏi	
65	1211509871	Nguyễn Lê Hoài	Việt	Nam	23/10/1985	12CNDN01		8.9	Giỏi	87	Tốt	Giỏi	

Cao đẳng Khóa 2013

1	1311525438	Nguyễn Trần Thanh	Dương	Nam	06/07/94	13CCD01	3.15	7.92	Khá	90	Xuất sắc	Khá	
2	1311517321	Nguyễn Thị Kim	Em	Nữ	20/01/1979	13CDS01		7.23	Khá	71	Khá	Khá	
3	1311517940	Lê Thị Cẩm	Linh	Nữ	35038	13CDS03		7.1	Khá	85	Tốt	Khá	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Điểm TB hệ 4	Điểm TBHT	Xếp loại HT	Điểm RL	Xếp loại RL	XLHB	Ghi chú
4	1311518170	Lê Thị	Nguyệt	Nữ	18/04/1995	13CDS04		7.21	Khá	78	Khá	Khá	
5	1311518137	Nguyễn Trần Bảo	Trân	Nữ	29/12/1995	13CDS04		7.33	Khá	91	Xuất sắc	Khá	
6	1311520214	Trần Thị Mỹ	Duyên	Nữ	34922	13CDS12		7.16	Khá	85	Tốt	Khá	
7	1311521210	Huỳnh Nữ Phúc	Lin	Nữ	34857	13CDS15		7.03	Khá	88	Tốt	Khá	
8	1311522049	Phạm Thị Thanh	Thúy	Nữ	19/08/1995	13CDS18		7.4	Khá	80	Tốt	Khá	
9	1311524795	Đào Kim	Thoa	Nữ	34342	13CDS26		7.51	Khá	85	Tốt	Khá	
10	1311526056	Phan Thị	Chúc	Nữ	20/10/1995	13CDS28		7.32	Khá	85	Tốt	Khá	
11	1311523272	Nguyễn Thanh	Lũy	Nam	21/03/1991	13CDT01	3.43	8.27	Giỏi	90	Xuất sắc	Giỏi	
12	1311517666	Nguyễn Văn	Nhựt	Nam	17/02/1995	13CDT01	2.64	7.17	Khá	84	Tốt	Khá	
13	1311521036	Trần Hoàng Huyền	Trân	Nữ	01/10/95	13CHH01	3.21	8.08	Giỏi	87	Tốt	Giỏi	
14	1311526053	Ngô Thị	Hà	Nữ	17/09/1994	13CKT01	3.42	8.31	Giỏi	84	Tốt	Giỏi	
15	1311519086	Trần Kim	Luân	Nam	26/03/1995	13CKT01	3.14	7.92	Khá	87	Tốt	Khá	
16	1311517104	Nguyễn Khoa	Nam	Nam	29/11/1995	13CKT01	2.82	7.55	Khá	70	Khá	Khá	
17	1311526534	Phạm Thị	Gấm	Nữ	19/04/1994	13CKT02	2.92	7.49	Khá	84	Tốt	Khá	
18	1311519942	Võ Khánh	Linh	Nữ	30/01/1994	13CNBVMT01		8.1	Giỏi	92	Xuất sắc	Giỏi	
19	1311522327	Nguyễn Quốc Hùng	Anh	Nam	29/11/1992	13CNKT01		9.3	Xuất sắc	73	Khá	Khá	
20	1311526313	Nguyễn Anh	Thiên	Nam	19/06/1992	13CNQL01		8.1	Giỏi	86	Tốt	Giỏi	
21	1311526870	Nguyễn Thành	Hưng	Nam	33514	13CNQM01		7.5	Khá	90	Xuất sắc	Khá	
22	1311518337	Phạm Hoàng	Thiên	Nam	33945	13CNQM01		7.7	Khá	71	Khá	Khá	
23	1311516643	Lê Nguyễn Phi	Long	Nam	34944	13CNQTKS01		8.5	Giỏi	86	Tốt	Giỏi	
24	1311525925	Nguyễn Thắng	Ý	Nam	34284	13CNTA01		9	Xuất sắc	77	Khá	Khá	
25	1311516975	Lý Tuấn	Vinh	Nam	25/03/1995	13CNTH02		7.6	Khá	92	Xuất sắc	Khá	
26	1311522638	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	Nữ	16/12/1995	13CQH01	3.46	8.4	Giỏi	84	Tốt	Giỏi	
27	1311526268	Nguyễn Trường	Giang	Nam	34981	13CQL01	3.2	8.14	Giỏi	88	Tốt	Giỏi	
28	1311524306	Trần Trọng	Lành	Nam	34707	13CQL01	3.32	8.06	Giỏi	88	Tốt	Giỏi	
29	1311523647	Ngô Thành	Tài	Nam	14/08/1995	13CQL01	3.56	8.54	Giỏi	88	Tốt	Giỏi	
30	1311519961	Nguyễn Thị Thùy	Oanh	Nữ	34954	13CQT01	3.04	7.85	Khá	84	Tốt	Khá	
31	1311519065	Huỳnh Bội	An	Nữ	14/08/1995	13CQT02	2.67	7.28	Khá	84	Tốt	Khá	
32	1311523279	Trần Thùy Mỹ	Linh	Nữ	34766	13CQT02	3.36	8.29	Giỏi	87	Tốt	Giỏi	
33	1311517516	Ngô Đình Anh	Tuấn	Nam	35044	13CQTQ01	2.93	7.4	Khá	87	Tốt	Khá	
34	1311524999	Phạm Ngọc Như	Quỳnh	Nữ	24/07/1995	13CSH01	3.26	8.08	Giỏi	87	Tốt	Giỏi	
35	1311525264	Vũ Thị Phương	Vy	Nữ	34066	13CTA01	3.57	8.54	Giỏi	87	Tốt	Giỏi	
36	1311525262	Nguyễn Phúc	Vinh	Nam	20/04/1993	13CTA03	3.27	8.17	Giỏi	84	Tốt	Giỏi	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Điểm TB hệ 4	Điểm TBHT	Xếp loại HT	Điểm RL	Xếp loại RL	XLHB	Ghi chú
37	1311524921	Ngô Công	Phúc	Nam	21/11/1992	13CTC01	3.11	7.74	Khá	85	Tốt	Khá	
38	1311523483	Nguyễn Thị Minh	Thư	Nữ	28/03/1995	13CTC01	2.81	7.42	Khá	87	Tốt	Khá	
39	1311525784	Nguyễn Trần Đại	Lộc	Nam	20/10/1993	13CTH02	3.36	8.11	Giỏi	78	Khá	Khá	
40	1311517116	MoHaMach	Roset	Nam	20/02/1994	13CTH02	2.56	7.15	Khá	74	Khá	Khá	
41	1311521343	Phạm Ngọc	Tấn	Nam	18/04/1993	13CTKDH01	3.31	8.12	Giỏi	83	Tốt	Giỏi	
42	1311525003	Bùi Thu	Hằng	Nữ	24/01/1994	13CTN01	3.74	8.86	Xuất sắc	97	Xuất sắc	Xuất sắc	
43	1311517696	Nguyễn Chí	Cường	Nam	03/10/95	13CTP01	3.32	8.05	Giỏi	87	Tốt	Giỏi	
44	1311525475	Hồ Thị Thu	Hòa	Nữ	11/10/94	13CTP03	3.4	7.9	Giỏi	84	Tốt	Giỏi	
45	1311525337	Võ Hoàng Văn Ngọc	Huỳnh	Nam	09/10/94	13CTP03	3.5	8.15	Giỏi	76	Khá	Khá	
46	1311525954	Mai Xuân	Nhi	Nữ	34943	13CVP01	3.11	7.94	Khá	97	Xuất sắc	Khá	
47	1311525837	Huỳnh Kim	Yến	Nữ	14/10/1995	13CVP01	2.95	7.78	Khá	87	Tốt	Khá	
48	1311521894	Hoàng Trọng	Bình	Nam	29/09/1989	13CXD01	3.27	8.14	Giỏi	88	Tốt	Giỏi	
49	1311517223	Bùi Thị Kim	Nhung	Nữ	20/04/1995	13CYS01	2.62	7.15	Khá	82	Tốt	Khá	
50	1311525773	Nguyễn Thanh	Trúc	Nữ	25/11/1995	13CYS01	2.73	7.39	Khá	85	Tốt	Khá	
51	1311525730	Nguyễn Thị Nhã	Uyên	Nữ	02/05/1995	13CYS01	2.64	7.11	Khá	85	Tốt	Khá	

Cao đẳng Khóa 2014

1	1411534740	Trần Thị	Nhàn	Nữ	15/06/1995	14CDS11	2.93	7.58	Khá	85	Tốt	Khá	
2	1411529092	Võ Hải	Đăng	Nam	18/11/1994	14CHQ01	2.84	7.61	Khá	89	Tốt	Khá	
3	1411529960	Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	34611	14CHQ01	3.67	8.66	Xuất sắc	84	Tốt	Giỏi	
4	1411533269	Trần Thị Thu	Hồng	Nữ	33338	14CHQ01	3.52	8.5	Giỏi	92	Xuất sắc	Giỏi	
5	1411532821	Trương Phạm Thanh	Trúc	Nữ	34888	14CHQ01	3.43	8.27	Giỏi	83	Tốt	Giỏi	
6	1411534054	Trương Ngọc Phương	Kiều	Nữ	18/07/1996	14CQL01	2.81	7.32	Khá	89	Tốt	Khá	
7	1411534170	Phan Anh	Tuấn	Nam	20/05/1994	14CQT01	3.08	7.9	Khá	77	Khá	Khá	
8	1411534784	Võ Thị Minh	Thư	Nữ	34944	14CTA02	2.86	7.41	Khá	73	Khá	Khá	
9	1411533882	Lê Thị Kim	Duyên	Nữ	24/03/1996	14CTN01	2.75	7.28	Khá	87	Tốt	Khá	
10	1411532759	Đinh Thị Hoà	Mi	Nữ	18/02/1995	14CTN01	2.88	7.6	Khá	87	Tốt	Khá	
11	1411513760	Phan Thanh Kiều	My	Nữ	18/01/1994	14CTN01	3.26	8.04	Giỏi	76	Khá	Khá	
12	1411514474	Nguyễn Phan Thùy	Trinh	Nữ	15/06/1996	14CTN01	2.73	7.14	Khá	84	Tốt	Khá	
13	1411533264	Trần Anh	Tuấn	Nam	35257	14CTN01	3.1	8.14	Khá	87	Tốt	Khá	
14	1411528586	Lê Thị Mỹ	Tuyên	Nữ	35252	14CTN01	2.97	7.72	Khá	87	Tốt	Khá	

Trung cấp chuyên nghiệp Khóa 2013

1	1311520743	Nguyễn Minh	Tâm	Nam	06/08/95	13TCMP01		7.4	Khá	78	Khá	Khá	
2	1311516541	Nguyễn Minh	Khoa	Nam	22/09/1992	13TDSP01		9.1	Xuất sắc	92	Xuất sắc	Xuất sắc	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Điểm TB hệ 4	Điểm TBHT	Xếp loại HT	Điểm RL	Xếp loại RL	XLHB	Ghi chú
3	1311516443	Dương Thị Bình	Minh	Nữ	01/02/88	13TDSP01		9.3	Xuất sắc	85	Tốt	Giỏi	
4	1300000010	Đồng Thị	Vân	Nữ	17/07/1994	13TDSP01		8.5	Giỏi	82	Tốt	Giỏi	
5	1311521803	Lê Thị Huỳnh	Cúc	Nữ	10/07/93	13TDSP05		8.6	Giỏi	85	Tốt	Giỏi	
6	1311525688	Phan Thị	Thảo	Nữ	07/06/95	13TDSP08		8.6	Giỏi	85	Tốt	Giỏi	
7	1311526103	Hà Bình	Thuận	Nam	09/05/94	13TDSP08		8.5	Giỏi	85	Tốt	Giỏi	
8	1311526612	Trần Quốc	Đạt	Nam	15/10/1978	13TDSP42		8.5	Giỏi	82	Tốt	Giỏi	
9	1311526823	Huỳnh Thị Ánh	Liên	Nữ	04/06/65	13TDSP42		8.6	Giỏi	85	Tốt	Giỏi	
10	1311526626	Phùng Thị	Đào	Nữ	29/09/1983	13TKTP01		8.7	Giỏi	95	Xuất sắc	Giỏi	
11	1311526102	Trần Thị Trúc	Thi	Nữ	34711	13TKTP01		8.6	Giỏi	85	Tốt	Giỏi	
12	1311523887	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	13/09/1990	13TKTP01		8.3	Giỏi	81	Tốt	Giỏi	
13	1311523967	Phạm Lê Hoài	Thương	Nữ	05/12/95	13TMKP01		8.5	Giỏi	87	Tốt	Giỏi	
14	1311523488	Bùi Chí	Thuần	Nam	05/07/95	13TTHP01		7.5	Khá	87	Tốt	Khá	
15	1311524218	Nguyễn Minh	Tiến	Nam	14/02/1995	13TTHP01		7.6	Khá	77	Khá	Khá	
16	1311520902	Nguyễn Thị Cẩm	Hằng	Nữ	14/08/1995	13TYSP02		9	Xuất sắc	88	Tốt	Giỏi	
17	1311521506	Trần Thị Kiều	Trinh	Nữ	26/04/1994	13TYSP02		8.5	Giỏi	90	Xuất sắc	Giỏi	
18	1311522040	Nguyễn Điền Linh	Tuyết	Nữ	07/12/94	13TYSP02		8.5	Giỏi	87	Tốt	Giỏi	
19	1311524877	Đặng Thị	Xương	Nữ	03/06/94	13TYSP02		8.5	Giỏi	88	Tốt	Giỏi	
20	1311526715	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	20/06/1985	13TYSP03		8.6	Giỏi	93	Xuất sắc	Giỏi	
21	1311526815	Nguyễn Thị	Thơm	Nữ	14/02/1993	13TYSP03		8.6	Giỏi	82	Tốt	Giỏi	
22	1311526876	Trần Minh	Tuấn	Nam	28/05/1988	13TYSP03		8.4	Giỏi	88	Tốt	Giỏi	

Trung cấp chuyên nghiệp Khóa 2014

1	1411535355	Trần Thị Thu	Hồng	Nữ	22/03/1994	14TCSSD01		8.7	Giỏi	86	Tốt	Giỏi	
2	1411535297	Nguyễn Thị Diệu	Linh	Nữ	33884	14TCSSD01		8.5	Giỏi	88	Tốt	Giỏi	
3	1411535307	Thạch Trịnh Ngọc	Linh	Nữ	35373	14TCSSD01		8.5	Giỏi	88	Tốt	Giỏi	
4	1411535618	Trương Mỹ	Vy	Nữ	35379	14TCSSD01		8.5	Giỏi	86	Tốt	Giỏi	
5	1411535292	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	34949	14TCSTM01		8.4	Giỏi	83	Tốt	Giỏi	
6	1411535293	Hồ Huỳnh	Mai	Nữ	15/10/1993	14TCSTM01		8.4	Giỏi	92	Xuất sắc	Giỏi	
7	1411535294	Phạm Thị Bé	Nhàn	Nữ	15/01/1996	14TCSTM01		8.7	Giỏi	78	Khá	Khá	
8	1400000090	Trần Thái Bình	Nhi	Nữ	19/10/1995	14TDSP01		7.6	Khá	86	Tốt	Khá	
9	1400000126	Nguyễn Hữu	Phúc	Nam	26/09/1992	14TDSP01		7.2	Khá	70	Khá	Khá	
10	1400000012	Sao Kim	Phượng	Nữ	27674	14TDSP01		7.4	Khá	72	Khá	Khá	
11	1411513447	Trần Cảnh Thành	Đạt	Nam	15/12/1993	14TDSP02		7.5	Khá	80	Tốt	Khá	
12	1400000025	Đoàn Thị	Thủy	Nữ	31321	14TDSP40		7.6	Khá	88	Tốt	Khá	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Điểm TB hệ 4	Điểm TBHT	Xếp loại HT	Điểm RL	Xếp loại RL	XLHB	Ghi chú
13	1400000048	Nguyễn Huế	Trân	Nữ	25/04/1986	14TDSP40		7.8	Khá	88	Tốt	Khá	
14	1411513377	Đoàn Thị Thanh	Hằng	Nữ	31444	14TDSP41		8.2	Giỏi	88	Tốt	Giỏi	
15	1411513485	Tạ Trung	Nhân	Nam	28736	14TDSP41		7.6	Khá	88	Tốt	Khá	
16	1411513398	Cao Thị thanh	Thảo	Nữ	32056	14TDSP41		7.9	Khá	88	Tốt	Khá	
17	1411513355	Trịnh Thanh	Trung	Nam	27/09/1992	14TDSP41		7.5	Khá	88	Tốt	Khá	
18	1411532653	Trương Ngọc	Thắm	Nữ	10/12/88	14TKTP01		7.6	Khá	88	Tốt	Khá	
19	1411534909	Phan Thị Mộng	Tuyền	Nữ	24/04/1991	14TQLP01		8.3	Giỏi	88	Tốt	Giỏi	
20	1411535309	Phạm Quỳnh	Hương	Nữ	35221	14TTMT01		8	Giỏi	87	Tốt	Giỏi	

Tp.HCM, ngày 25 tháng 02 năm 2016

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Điểm TB hệ 4	Điểm TBHT	Xếp loại HT	Điểm RL	Xếp loại RL	XLHB	Ghi chú

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Điểm TB hệ 4	Điểm TBHT	Xếp loại HT	Điểm RL	Xếp loại RL	XLHB	Ghi chú

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Điểm TB hệ 4	Điểm TBHT	Xếp loại HT	Điểm RL	Xếp loại RL	XLHB	Ghi chú

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Điểm TB hệ 4	Điểm TBHT	Xếp loại HT	Điểm RL	Xếp loại RL	XLHB	Ghi chú

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Điểm TB hệ 4	Điểm TBHT	Xếp loại HT	Điểm RL	Xếp loại RL	XLHB	Ghi chú

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Điểm TB hệ 4	Điểm TBHT	Xếp loại HT	Điểm RL	Xếp loại RL	XLHB	Ghi chú

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Điểm TB hệ 4	Điểm TBHT	Xếp loại HT	Điểm RL	Xếp loại RL	XLHB	Ghi chú

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Điểm TB hệ 4	Điểm TBHT	Xếp loại HT	Điểm RL	Xếp loại RL	XLHB	Ghi chú

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Điểm TB hệ 4	Điểm TBHT	Xếp loại HT	Điểm RL	Xếp loại RL	XLHB	Ghi chú